

## GHI NHẬN MỚI LOÀI *Olea neriifolia* H. L. Li (Oleaceae) CHO HỆ THỰC VẬT VIỆT NAM

Bùi Hồng Quang\*, Nguyễn Thế Cường

Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, Viện Hàn lâm KH & CN Việt Nam,  
\*bhquang78@gmail.com

**TÓM TẮT:** Chi *Olea* L. (Ô liu) có khoảng 40 loài trên thế giới, phân bố ở châu Phi, châu Á, châu Âu, các đảo thuộc châu Đại Dương. Ở Việt Nam, hiện biết có 9 loài. Bài báo này ghi nhận mới 1 loài cho hệ thực vật Việt Nam, *Olea neriifolia* H. L. Li. Dựa trên các mẫu lưu giữ trong các phòng tiêu bản, cũng như tài liệu trong và ngoài nước, loài được phát hiện có đặc điểm hình thái khác biệt với các loài hiện có của Việt Nam. Như vậy, số loài hiện biết của chi *Olea* cho đến nay là 10 loài. Bài báo trình bày mô tả chi tiết đặc điểm hình thái của loài được ghi nhận mới cho hệ thực vật, lập khóa định loại các loài thuộc chi *Olea* ở Việt Nam.

*Từ khóa:* Oleaceae, *Olea*, Ô liu, ghi nhận mới, Quảng Ninh, Khánh Hòa, Việt Nam.

### MỞ ĐẦU

Chi *Olea* L. với số loài không nhiều với khoảng 40 loài trên thế giới, phân bố chủ yếu ở châu Phi, châu Á, châu Âu, các đảo thuộc châu Đại Dương [1]. Chi Ô liu, *Olea* L., được Linnaeus (1753) [4], mô tả và công bố cùng với loài chuẩn *Olea europaea* L., sau đó Loureiro (1790) [3], có công bố tên chi là *Tetraphalus* và tên này trở thành tên đồng nghĩa của chi *Olea*. Ở Việt Nam, Gagnepain (1933) [2] đã mô tả chi *Olea* (họ Oleaceae) trên toàn Đông Dương. Tác giả mô tả 6 loài và 1 thứ, trong đó Việt Nam được mô tả 4 loài. Theo các nghiên cứu gần đây, chi *Olea* L. hiện biết có 8 loài và 1 thứ [6]; Phạm Hoàng Hộ (2000) [5] đã mô tả ngắn gọn và hình vẽ 8 loài thuộc chi *Olea* L. Trong quá trình nghiên cứu chi *Olea*, chúng tôi phát hiện loài *O. neriifolia*, được bổ sung cho hệ thực vật Việt Nam, dựa trên các mẫu lưu giữ trong các phòng tiêu bản, cũng như tài liệu trong và ngoài nước, loài được phát hiện có đặc điểm hình thái khác biệt với các loài hiện có ở Việt Nam, như vậy tổng số loài hiện biết thuộc chi *Olea* là 10 loài. Bài báo mô tả chi tiết đặc điểm hình thái của loài *O. neriifolia* và lập khóa định loại các loài thuộc chi *Olea* ở Việt Nam.

### VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Vật liệu bao gồm các mẫu khô được lưu giữ tại các phòng tiêu bản thực vật của Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật (HN), Viện Sinh

học nhiệt đới (VNM), Viện Dược liệu (HNPI), Trường đại học Khoa học tự nhiên, Hà Nội (HNU), Viện Thực vật Côn Minh (KUN), Viện Thực vật Hoa Nam, Trung Quốc (IBSC), Bảo tàng Lịch sử tự nhiên Pa-ri, Pháp (P) và các mẫu tươi thu được trong các đợt điều tra thực địa.

Chúng tôi đã áp dụng phương pháp nghiên cứu so sánh hình thái để phân loại. Đây là phương pháp truyền thống thường được sử dụng trong nghiên cứu phân loại thực vật.

### KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

#### Đặc điểm phân loại chi *Olea* L. ở Việt Nam

#### Chi Ô liu - *Olea* L.

L., 1753. Sp. Pl. 1: 7; Gagnep., 1933. Fl. Gen. Indoch. 3: 1078; M. C. Chang et al., 1996. Fl. China, 15: 295. - *TETRAPHALUS* Lour., 1790. Fl. Cochinch. 599. 611.

Cây gỗ nhỏ hoặc cây bụi, lá đơn mọc đối; phiến lá mép nguyên hoặc có răng cưa. Cụm hoa dạng chùy, xim, mọc ở nách lá hay đỉnh cành; cụm hoa sắp xếp chéo chữ thập, hiếm khi dạng tán. Hoa nhỏ, đơn tính hoặc lưỡng tính. Đài nhỏ, hình chuông, hình chén, thường có 4 thùy dài, có dạng hình mác nhọn hoặc hình trứng và thường có lông mịn. Tràng màu trắng, hồng, màu xanh nhạt hay vàng nhạt, có bốn thùy, thùy tràng ngắn hoặc dài hơn ống tràng. Nhị 2-4, rời nhau, dính vào gốc của ống tràng; chỉ nhị mảnh như sợi chỉ, không thò khỏi họng

tràng. Bao phần hình bầu dục. Bầu thượng, hình nón, hai ô chứa hai noãn, có vách ngăn mỏng; vòi nhụy hình đầu, có hai thùy ngắn, đầu nhụy chẻ đôi hoặc có khe nứt. Quả dạng hạch; vỏ quả trong dày, có khi mỏng như giấy; 1 hạt, nội nhũ nạc hay cứng như xương.

**Typus:** *Olea europaea* L.

Có khoảng 40 loài trên thế giới, phân bố ở châu Phi, châu Á, châu Âu, các đảo thuộc châu Đại Dương. Ở Việt Nam có 10 loài, phân bố rộng trên cả nước nhưng chủ yếu ở các vùng ven biển.

**Khóa định loại các loài hiện biết thuộc chi *Olea* L. ở Việt Nam**

- 1A. Tràng xê sâu đến >1/2 chiều dài tràng, thùy tràng dài hơn ống tràng.....1. *O. europaea*
- 1B. Tràng xê nông <1/2-1/3 chiều dài tràng, thùy tràng ngắn hơn ống tràng.
  - 2A. Cành non có lông nhung màu vàng, dày, lá có lông nhung ở mặt dưới
    - 3A. Quả chín màu đen, dài 0,8-1 cm ..... 2. *O. cordatula*
    - 3B. Quả chín màu tím đỏ, dài 1,2-1,7 cm..... 3. *O. rosea*
  - 2B. Cành non có không lông, lá nhẵn ở cả hai mặt
    - 4A. Cụm hoa không lông ..... 4. *O. brachiata*
    - 4B. Cụm hoa có lông.
      - 5A. Đài cao cỡ 1-1,5 mm không lông, có vảy hình khiên .....5. *O. hainanensis*
      - 5B. Đài cao hơn 2 mm có lông, không có vảy hình khiên.
        - 6A. Bầu hình bầu dục hay hình nón cỡ 1 mm, vòi nhụy cỡ 0,5 mm
          - 7A. Mang hoa đực và hoa lưỡng tính. Hoa nhỏ, tràng màu trắng xanh, đôi khi hơi có màu hồng cỡ 1-2mm, thùy tràng dài 1mm .....6. *O. dioica*
          - 8A. Tràng dạng túi, dài 1 mm ..... 7. *O. salicifolia*
          - 8B. Tràng dạng ống, dài 1,2-1,4 mm ..... 8. *O. nerifolia*
        - 7B. Hoa lưỡng tính, cuống ngắn. Đài dài 2-3 mm. Tràng màu trắng, dài 2-3 mm; thùy tràng dài 1,5 mm,.....9. *O. wightiana*
  - 6B. Bầu hình trụ cỡ 2-2,5 mm, vòi nhụy cỡ 1-2 mm .....10. *O. gagnepainii*

**Mô tả loài được bổ sung cho hệ thực vật Việt Nam**

**Ô liu lá hẹp - *Olea nerifolia* H. L. Li**

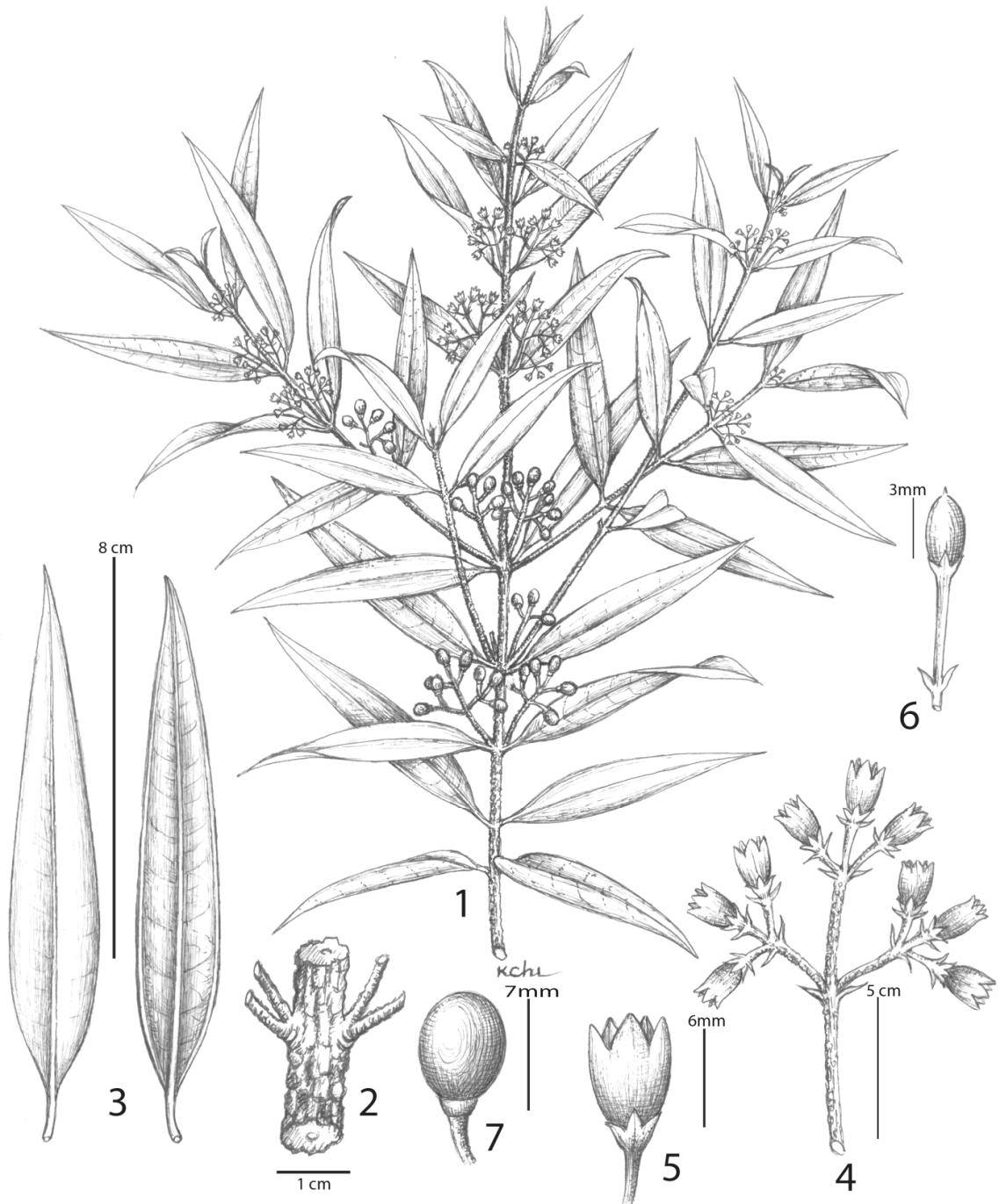
H. L. Li. 1944. J. Arnold Arbor, 25: 212; M. C. Chang et al. 1996. Fl. China, 15: 295.

Cây bụi hay gỗ nhỏ 1-4 m. Cành sần sùi (bì khổng), không lông; phiến lá hình mũi mác hẹp, hiếm khi bầu dục, chất da, kích thước cỡ 5-11×0,7-1 cm, không lông, gốc lá nhọn hay tù, chóp lá nhọn ở đỉnh, có mũi tù; gân chính mờ không rõ, hơi lõm ở mặt trên, nổi ở mặt dưới, gân bên 4-6 cặp; cuống lá 3-6 mm. Cụm hoa dạng xim, mọc ở nách lá, dài 2-6 cm. Hoa đực có cuống mảnh, dài 0,5-1,5 mm. Đài hình chông, dài cỡ 0,5 mm. Tràng hoa màu trắng, dài 1,2-1,4 mm, thùy tràng hình trứng, dài cỡ 0,4

mm, nhọn ở đỉnh. Hoa lưỡng tính có cuống dài 1,5-2 mm. Đài dài cỡ 0,8 mm. Tràng hoa màu trắng, dài 1,7-2 mm, thùy tràng hình trứng rộng, dài 0,5-0,6 mm, nhọn ở đỉnh. Nhị 2, chỉ nhị rất ngắn, cỡ 0,25 mm. Bao phần hình bầu dục, dài 0,5 mm. Bầu thượng, hình nón, hai ô chứa hai noãn, có vách ngăn mỏng; vòi nhụy, có hai thùy ngắn, đầu nhụy chẻ đôi. Quả hạch, chín màu vàng nâu, hình bầu dục, kích thước cỡ 7-8×3-5 mm. Hạt 1 (hình 1, 2).

**Loc. class.:** China: Hainan. **Typus:** S. K. Lau 28388 (A photo!).

**Sinh học và sinh thái:** Mùa ra hoa tháng 3- 8, có quả chín tháng 9-11. Cây gặp ở trong rừng núi đất, núi đá nơi có bóng, ẩm dọc theo các suối, ở độ cao dưới 500 m.



Hình 1. *Olea neriifolia* H. L. Li. - Ô liu lá hẹp

1. cành mang hoa và quả; 2. thân; 3. lá mặt trước, mặt sau; 4. cụm hoa; 5. hoa; 6. bầu; 7. quả.

Hình vẽ từ mẫu B. H. Quang 64 và SH 5086 (HN).

**Phân bố:** Quảng Ninh (vịnh Hạ Long),  
Khánh Hòa (Cam Lâm), còn có ở Lào,  
Trung Quốc.

**Mẫu nghiên cứu:** Quảng Ninh, Hạ Long,  
SH 5086 (HN). - Khánh Hòa, Cam Lâm,  
B.H.Quang 64 (HN).



Hình 2. Ảnh loài *Olea neriifolia* H. L. Li - Ô liu lá hẹp

1. dạng sống; 2. cành mang hoa; 3. lá mặt trước, mặt sau; 4. cụm hoa; 5. cành mang quả.  
(Ảnh chụp, Bùi Hồng Quang)

**Thảo luận:** Gần đây các nghiên cứu phân loại về chi *Olea* L., có những thay đổi về danh pháp. Để xây dựng khóa định loại các loài thuộc chi *Olea* L. ở Việt Nam, chúng tôi, dựa trên những đặc điểm của đài, tràng hoa, lá, đặc điểm hình thái, phân bố, nơi thu đầu tiên, mẫu chuẩn, sinh học và sinh thái, mẫu vật nghiên cứu của

loài *O. neriifolia* được trình bày chi tiết, tuy nhiên loài này có đặc điểm hình thái gần giống với loài *O. europaea* cùng chi Ôliu. Để phân biệt được hình thái *O. neriifolia* với *O. europaea*, chúng tôi lập bảng so sánh một số đặc điểm khác biệt giữa hai loài nói trên (bảng 1).

Bảng 1. So sánh đặc điểm hình thái loài *O. neriifolia* với loài *O. europaea*

Đặc điểm hình thái	<i>O. neriifolia</i>	<i>O. europaea</i>
Cành	Cành, sần sùi (bì khổng)	Cành tròn, không lông
Lá	Phiến lá hình mũi mác hẹp, hiếm khi bầu dục, kích thước cỡ 5-11×0,7-1 cm; gân bên 4-6 cặp	Phiến lá hình mác hẹp đến bầu dục, hiếm khi hình trứng hẹp, cỡ 1-1,5×0,5-2 cm; gân bên 2-11 đôi
Cụm hoa	Cụm hoa dạng xim, mọc ở nách lá, dài 2-6 cm	Cụm hoa chùy ở nách lá hay đỉnh cành, dài 2-4 cm
Đài	Đài hình chuông, dài 0,5-1 mm	Đài hình chén, dài 1-1,5 mm
Tràng, thùy tràng	Tràng, dài 1,7-2 mm, thùy hình trứng rộng, dài 0,5-0,6 mm	Tràng, dài 2,5-4 mm; hình bầu dục-thuôn, dài 1,5-3 mm

**Lời cảm ơn:** Nghiên cứu này được tài trợ bởi đề tài: “Điều tra bổ sung, đánh giá đa dạng thực vật bậc cao có mạch và tìm kiếm các loài thực vật có chứa hoạt tính sinh học tại các đảo vịnh Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh và đề xuất các giải pháp bảo tồn, sử dụng bền vững”, mã số đề tài VAST04.09/15-16.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Chang M. C., Qiu L. Q., Green P. S. In: Wu Z., Raven P.H. (eds.), 1996. Flora of China (Oleaceae), 15: 296-298. Science Press, Beijing, China and Missouri Botanical Garden, Missouri, USA.
- Gagnepain F., 1933. Floré Générale de L' Indo - Chine, 3: 1074-1078. Paris.
- Loureiro J., 1790. Flora Cochinchinensis, 2: 599, 611. Paris.
- Linnaeus C., 1753. Species Plantarum, Tomus 1. Stockholm: Impensis. Laurentii Salvii: 7-8.
- Phạm Hoàng Hộ, 1999. Cây Cỏ Việt Nam, 2: 1118-1119. Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.
- Trần Đình Lý, 2003. Danh lục các loài thực vật Việt Nam, 2: 1170-1171. Nxb. Nông Nghiệp, Hà Nội.

### ***Olea neriifolia* H. L. Li, A NEW RECORD SPECIES OF THE FAMILY Oleaceae FOR THE FLORA OF VIETNAM**

**Bui Hong Quang, Nguyen The Cuong**

Institute of Ecology and Biological Resources, VAST

#### SUMMARY

The genus *Olea* L. (Olive) comprises about 40 species worldwide, distributed in Africa, Asia, Europe, Australia and Pacific Islands. In Vietnam, up to date there were 9 species belonging to the genus *Olea* recorded. Based on the samples of *Olea* kept in the herbarium, as well as domestic and foreign publications, we found one species, *Olea neriifolia* H. L. Li, as a new record for the flora of Vietnam. Voucher specimens of this species were collected in Quang Ninh province (Ha Long bay) and Khanh Hoa (Cam Lam), deposited in the Herbarium of the Institute of Ecology and Biological resources, Hanoi, Vietnam (HN). The newly recorded species has the morphological differences from the already known species of Vietnam, thus the total number of species of this genus is ten. In this paper some detailed morphological features of *Olea neriifolia* is given. A key to species of the genus *Olea* in Vietnam is also provided.

**Keywords:** Oleaceae, *Olea*, new record, Quang Ninh, Khanh Hoa, Vietnam.

Ngày nhận bài: 4-2-2015